TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2019/DS-ST
Ngày: 19 -11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Nguyễn Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 212/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Địa chỉ trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông D, sinh năm 1968, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông T, chức vụ: Phó giám đốc khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ - VPBank Hội sở kiêm Phó Tổng giám đốc VPBank AMC (theo giấy ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02-3-2018 của Ngân hàng Thương mại cổ phần V);(vắng mặt).

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông H; ông T, cùng chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; cùng địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà ACM, số 96 Đường C, phường A, quận B, thành phố HCM (theo giấy ủy quyền số 27196/2019/UQ-PGDK ngày 05-8-2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần V); (ông H có mặt, ông T vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông V, sinh năm 1984; (vắng mặt).

Nơi cư trú: 780/8/11/8 Đường B, phường Y, thành phố V, tỉnh BR – VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H trình bày:

Ngày 12-01-2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) ký kết với ông V đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (gọi tắt là hợp đồng tín dụng ngày 12-01-2015) với nội dung: Ngân hàng cho ông V vay số tiền 41.000.000đồng; thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân là ngày 20-01-2015; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất trong hạn: 30%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân và ông V đã nhận đủ 41.000.000đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông V đã thanh toán 12.541.310đồng, bao gồm 5.510.397đồng tiền gốc và 7.030.913đồng tiền lãi, từ ngày 21-02-2015, ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Căn cứ hợp đồng tín dụng ngày 12-01-2015, kể từ khi ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ của ông V sang nợ quá hạn.

Ngày 04-02-2015, Ngân hàng tiếp tục ký kết với ông V đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (gọi tắt là hợp đồng tín dụng ngày 04-02-2015) với nội dung: Ngân hàng cho ông V vay số tiền 31.000.000đồng; thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân là ngày 07-02-2015; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất trong hạn: 30%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân và ông V nhận đủ 31.000.000đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông V đã thanh toán 6.807.690đồng, gồm 1.833.100đồng tiền gốc và 4.974.590đồng tiền lãi. Từ ngày 08-3-2015, ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên căn cứ theo hợp đồng tín dụng ngày 04-02-2015 thì toàn bộ dư nợ chuyển thành nợ quá hạn.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, thông báo, yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông V không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V cụ thể như sau:

Thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng ngày 12-01-2015 tạm tính đến hết ngày 29-5-2019 là 101.919.426đồng gồm nợ gốc và lãi.

Thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng ngày 04-02-2015 tính đến hết ngày 19-11-2019 là 87.752.867đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 29.166.900đồng, lãi quá hạn là 58.585.967đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 12-01-2015 và ngày 04-02-2015 đã ký nêu trên kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngày 07-10-2019, Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông V thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng ngày 12-01-2015 tạm tính đến hết ngày 29-5-2019 là 101.919.426đồng gồm nợ gốc, lãi, lãi phát sinh.

Bị đơn ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Thanh Hà vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, vẫn giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn ngày 07-10-2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thịnh Vượng có đơn khởi kiện yêu cầu ông V trả nợ theo hợp đồng đã giao kết. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông V có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn ông V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông V.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ ý kiến rút một phần yêu cầu về việc yêu cầu ông V phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng ngày 12-01-2015 tạm tính đến hết ngày 29-5-2019 là 101.919.426đồng gồm nợ gốc và lãi. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về nội dung đã rút yêu cầu.

[2.2]. Xét yêu cầu trả tiền gốc, lãi của nguyên đơn đối với bị đơn theo hợp đồng tín dụng ngày 04-02-2015 thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng ngày 04-02-2015 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với ông V được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký kết.

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng ngày 04-02-2015 tính đến hết ngày 19-11-2019 là 87.752.867đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 29.166.900đồng, lãi quá hạn là 58.585.967đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 04-02-2015 kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét bảng hoạt động tài khoản số: 58338818 của ông V, đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, phiếu tính lãi chi tiết đến hết ngày 19-11-2019 thì ông V đã thanh toán cho Ngân hàng tiền nợ theo hợp đồng tín dụng 04-02-2015 là 6.807.690đồng bao gồm 1.833.100đồng tiền gốc và 4.974.590đồng tiền lãi. Từ ngày 08-3-2015 đến nay, ông V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng ngày 04-02-2015 đã ký kết. Mặc dù, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông V nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có căn cứ xác định Ngân hàng với ông V có ký hợp tín dụng 04-02-2015 và ông V còn nợ Ngân hàng tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 19-11-2019 như ý kiến, yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ hợp đồng tín dụng ngày 04-02-2015 kèm Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ; Quyết định số 4556/2014/QĐ-TGĐ ngày 20-11-2014 về Lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng; Điều 463, 466 của Bộ Luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông V thanh toán cho Ngân hàng số tiền 87.752.867đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 29.166.900đồng, lãi quá hạn là 58.585.967đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 04-02-2015 kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông V có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nên phải chịu án phí sơ thẩm.

Ngân hàng V không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng 4.500.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466 của Bộ Luật dân sự;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

1.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông V thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng ngày 12-01-2015 tạm tính đến hết ngày 29-5-2019 là 101.919.426đồng (*một trăm lẻ một triệu chín trăm mười chín ngàn bốn trăm hai mươi sáu đồng*), gồm nợ gốc và lãi.

1.2. Buộc ông V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 87.752.867đồng (*tám mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn tám trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc quá hạn là 29.166.900đồng (*hai mươi chín triệu một trăm sau mươi sáu ngàn chín trăm đồng*), lãi quá hạn là 58.585.967đồng (*năm mươi tám triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi bảy đồng*) tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (19-11-2019).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 04-02-2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng ngày 04-02-2015, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông V phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 4.387.643đồng *(bốn triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng)*.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 4.500.000đ (*bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0000021 ngày 05-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Nếu không đồng ý với bản án này, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trà My